

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 36

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 195 - 197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại các Thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch Thành viên	bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữ chức vụ đến ngày 15 tháng 3 năm 2022
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữ chức vụ đến ngày 15 tháng 3 năm 2022
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập	
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập	

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ban Kiểm toán Nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Trưởng ban
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữ chức vụ đến ngày 15 tháng 3 năm 2022
Ông Đoàn Hồng Việt	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2022
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc	

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt
Bà Đặng Kiện Phương

từ ngày 26 tháng 4 năm 2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đề ngày 26 tháng 8 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:

Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 61150429/22990028/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") được lập ngày 26 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3040-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

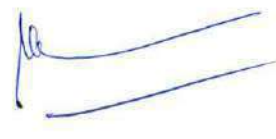
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.764.516.434.984	6.188.485.052.034
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	146.708.370.045	1.441.319.143.324
111	1. Tiền		146.708.370.045	197.980.655.700
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	1.243.338.487.624
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.167.834.076.712	1.877.716.538.693
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	2.031.330.053.436	1.819.704.807.754
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	26.140.296.063	57.926.407.200
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	115.048.000.000	6.400.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	39.836.593.086	38.206.189.612
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6	(44.520.865.873)	(44.520.865.873)
140	III. Hàng tồn kho	7	3.300.190.080.425	2.793.479.690.319
141	1. Hàng tồn kho		3.484.236.277.334	2.815.203.975.783
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(184.046.196.909)	(21.724.285.464)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		149.783.907.802	75.969.679.698
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	12.652.487.591	8.001.515.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		135.427.992.279	67.968.164.698
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		1.703.427.932	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		330.817.385.514	333.112.245.719
210	I. Phải thu dài hạn		20.021.422.180	15.999.127.380
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	20.021.422.180	15.999.127.380
220	II. Tài sản cố định		90.504.129.298	91.986.187.274
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	31.633.427.162	33.148.990.127
222	Nguyên giá		61.259.874.522	59.770.633.966
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(29.626.447.360)	(26.621.643.839)
227	2. Tài sản vô hình	11	58.870.702.136	58.837.197.147
228	Nguyên giá		63.283.526.703	62.867.121.238
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.412.824.567)	(4.029.924.091)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	12	128.560.224.921	127.210.224.921
251	1. Đầu tư vào công ty con		146.534.039.605	145.184.039.605
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		2.945.750.000	2.945.750.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(20.919.564.684)	(20.919.564.684)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		91.731.609.115	97.916.706.144
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	3.574.878.185	3.905.875.767
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.3	88.156.730.930	94.010.830.377
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.095.333.820.498	6.521.597.297.753

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.027.529.698.042	4.741.866.161.161
310	I. Nợ ngắn hạn		4.021.871.068.615	4.735.807.531.734
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	1.715.281.931.537	2.834.528.721.725
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	97.458.183.432	71.949.726.074
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	28.744.515.592	70.717.966.454
314	4. Phải trả người lao động		13.129.263.206	24.306.403.202
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	478.218.418.743	601.422.371.819
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	457.803.382.627	15.654.404.588
320	7. Vay ngắn hạn	17	1.231.235.373.478	1.117.227.937.872
330	II. Nợ dài hạn		5.658.629.427	6.058.629.427
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	5.658.629.427	6.058.629.427
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.067.804.122.456	1.779.731.136.592
410	I. Vốn chủ sở hữu	18.1	2.067.804.122.456	1.779.731.136.592
411	1. Vốn cổ phần		907.520.250.000	885.520.250.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		907.520.250.000	885.520.250.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		61.233.761.416	61.233.761.416
415	3. Cổ phiếu quỹ		(6.302.937.166)	(6.272.937.166)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		400.000.000	400.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.104.953.048.206	838.850.062.342
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		748.252.506.342	200.207.596.364
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		356.700.541.864	638.642.465.978
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.095.333.820.498	6.521.597.297.753


Trần Quế Tâm
Người lập


Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng


Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

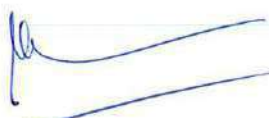
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kết toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	19.1	11.864.739.495.590	9.479.904.382.620
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(64.690.218.857)	(294.577.121.834)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	11.800.049.276.733	9.185.327.260.786
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(11.035.794.024.451)	(8.571.920.755.743)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		764.255.252.282	613.406.505.043
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	101.910.628.241	63.559.248.396
22	7. Chi phí tài chính	22	(39.708.411.072)	(11.975.924.862)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	22	(35.008.246.009)	(11.446.888.553)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(325.462.490.773)	(331.929.413.031)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(51.508.117.071)	(42.532.078.785)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		449.486.861.607	290.528.336.761
31	11. Thu nhập khác	23	370.966.847	322.928.400
32	12. Chi phí khác	23	(3.081.012.822)	(952.906.570)
40	13. Lỗ khác	23	(2.710.045.975)	(629.978.170)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		446.776.815.632	289.898.358.591
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(84.222.174.321)	(58.271.189.048)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	25.3	(5.854.099.447)	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		356.700.541.864	231.627.169.543



Trần Quế Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận kế toán trước thuế		446.776.815.632	289.898.358.591
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	10, 11	3.522.944.141	2.719.168.384
03	Dự phòng		162.321.911.445	-
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		6.886.192.178	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(18.230.751.364)	(12.535.606.613)
06	Chi phí lãi vay	22	35.008.246.009	11.446.888.553
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		636.285.358.041	291.528.808.915
09	Tăng các khoản phải thu		(255.843.634.978)	(53.502.767.898)
10	Tăng hàng tồn kho		(669.032.301.551)	(125.115.486.882)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(882.926.762.211)	87.675.201.293
12	Tăng chi phí trả trước		(4.319.975.009)	(2.111.547.528)
14	Tiền lãi vay đã trả		(34.691.233.680)	(10.954.472.730)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(126.255.816.815)	(53.498.955.344)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(1.336.784.366.203)	134.020.779.826
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(2.040.886.165)	-
23	Tiền chi cho vay		(166.048.000.000)	(8.400.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		57.400.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.350.000.000)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi và trái phiếu		18.484.508.033	13.916.037.298
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(93.554.378.132)	5.516.037.298
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Phát hành cổ phiếu	18.1	22.000.000.000	12.000.000.000
32	Tiền mua lại cổ phiếu quỹ	18.1	(30.000.000)	-
33	Tiền thu từ đi vay	17	4.904.979.135.095	2.050.352.735.156
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	17	(4.790.971.699.489)	(2.067.935.716.361)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		135.977.435.606	(5.582.981.205)

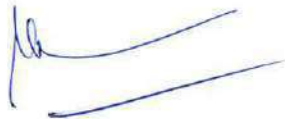
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(1.294.361.308.729)	133.953.835.919
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.441.319.143.324	858.936.894.497
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(249.464.550)	-
70	Tiền cuối kỳ	4	146.708.370.045	992.890.730.416



Trần Quốc Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 195 - 197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 466 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 403).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Củng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đề ngày 26 tháng 8 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	1 - 5 năm
Phần mềm kế toán	3 - 6 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hay lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán giữa niên độ khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền mặt	127.806.718	97.251.718
Tiền gửi ngân hàng	146.580.563.327	197.883.403.982
Các khoản tương đương tiền	-	1.243.338.487.624
TỔNG CỘNG	146.708.370.045	1.441.319.143.324

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu các bên khác	2.029.068.769.456	1.660.437.758.552
- Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	700.473.396.602	710.163.586.494
- Khác	1.328.595.372.854	950.274.172.058
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 26)	2.261.283.980	159.267.049.202
TỔNG CỘNG	2.031.330.053.436	1.819.704.807.754
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(10.502.909.640)	(10.502.909.640)
GIÁ TRỊ THUẬN	2.020.827.143.796	1.809.201.898.114

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
HP PPS Singapore (Sales) Pte Ltd	11.926.004.161	4.016.632.537
Công ty TNHH Công Nghệ Huawei Việt Nam	4.964.635.541	24.922.978.600
Công ty TNHH Thiết bị Vật tư Quốc tế IMEC	-	11.390.132.370
Khác	9.249.656.361	17.596.663.693
TỔNG CỘNG	26.140.296.063	57.926.407.200
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(158.040.552)	(158.040.552)
GIÁ TRỊ THUẦN	25.982.255.511	57.768.366.648

6. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	39.836.593.086	38.206.189.612
Dragon Technology Distribution Pte. Ltd.	32.874.099.492	32.874.099.492
Đặt cọc, ký quỹ	1.393.218.556	1.088.400.446
Tạm ứng cho nhân viên	780.063.818	641.815.576
Khác	4.789.211.220	3.601.874.098
Dài hạn	20.021.422.180	15.999.127.380
Đặt cọc, ký quỹ	20.021.422.180	15.999.127.380
TỔNG CỘNG	59.858.015.266	54.205.316.992
Dự phòng phải thu khác	(33.859.915.681)	(33.859.915.681)
GIÁ TRỊ THUẦN	25.998.099.585	20.345.401.311

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Hàng hóa	3.431.960.374.127	1.308.568.684.463
Hàng mua đang đi trên đường	32.101.583.612	1.458.995.517.415
Hàng gửi đi bán	11.119.235.668	47.535.469.814
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.055.083.927	104.304.091
TỔNG CỘNG	3.484.236.277.334	2.815.203.975.783
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(184.046.196.909)	(21.724.285.464)
GIÁ TRỊ THUẦN	3.300.190.080.425	2.793.479.690.319

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	21.724.285.464	16.052.716.052
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	162.321.911.445	-
Số cuối kỳ	184.046.196.909	16.052.716.052

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGÁN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	12.652.487.591	8.001.515.000
Chi phí hoạt động	5.883.043.882	3.869.099.456
Chi phí thuê	5.584.775.269	3.734.389.636
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.184.668.440	398.025.908
Dài hạn	3.574.878.185	3.905.875.767
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.903.379.343	927.210.573
Chi phí hoạt động	1.671.498.842	2.978.665.194
TỔNG CỘNG	16.227.365.776	11.907.390.767

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	115.048.000.000	6.400.000.000

Chi tiết khoản phải thu về cho vay tín chấp ngắn hạn được trình bày như sau:

<i>Đối tượng cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày đến hạn</i>	<i>Lãi suất %/ năm</i>
	VND		
Công ty TNHH MTV 1 Digital Technology	84.000.000.000	Từ ngày 13 tháng 8 năm 2022 đến ngày 16 tháng 6 năm 2023	6
Công ty Cổ phần Việt Money	25.000.000.000	Từ ngày 8 tháng 7 năm 2022 đến ngày 9 tháng 10 năm 2022	10,95
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	6.048.000.000	Từ ngày 20 tháng 9 năm 2022 đến ngày 20 tháng 12 năm 2022	10,95
TỔNG CỘNG	115.048.000.000		

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
					VND
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	21.183.180.735	5.369.832.427	30.069.598.098	3.148.022.706	59.770.633.966
Mua mới trong kỳ	-	-	1.624.480.700	-	1.624.480.700
Xóa sổ trong kỳ	-	-	-	(135.240.144)	(135.240.144)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	21.183.180.735	5.369.832.427	31.694.078.798	3.012.782.562	61.259.874.522
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	2.077.344.525	3.189.922.013	2.786.984.429	8.054.250.967
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	(10.509.686.883)	(4.146.426.269)	(9.055.067.783)	(2.910.462.904)	(26.621.643.839)
Khấu hao trong kỳ	(426.802.545)	(370.243.061)	(2.276.790.889)	(66.207.170)	(3.140.043.665)
Xóa sổ trong kỳ	-	-	-	135.240.144	135.240.144
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	(10.936.489.428)	(4.516.669.330)	(11.331.858.672)	(2.841.429.930)	(29.626.447.360)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	10.673.493.852	1.223.406.158	21.014.530.315	237.559.802	33.148.990.127
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	10.246.691.307	853.163.097	20.362.220.126	171.352.632	31.633.427.162

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	57.382.176.180	5.484.945.058	62.867.121.238
Mua mới trong kỳ	-	416.405.465	416.405.465
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	57.382.176.180	5.901.350.523	63.283.526.703
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	1.959.622.898	1.959.622.898
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	-	(4.029.924.091)	(4.029.924.091)
Hao mòn trong kỳ	-	(382.900.476)	(382.900.476)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	-	(4.412.824.567)	(4.412.824.567)
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	57.382.176.180	1.455.020.967	58.837.197.147
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	57.382.176.180	1.488.525.956	58.870.702.136

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022				Ngày 31 tháng 12 năm 2021				
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ Lợi ích Quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ Lợi ích Quyền biểu quyết	
Đầu tư vào công ty con trực tiếp									
Công ty TNHH MTV Digiworld Venture (*)	146.534.039.605	(20.919.564.684)	125.614.474.921	100	100	145.184.039.605	(20.919.564.684)	124.264.474.921	100
Đầu tư vào công ty liên kết trực tiếp									
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	2.945.750.000	-	2.945.750.000	49,1	25	2.945.750.000	-	2.945.750.000	49,1
TOTAL	149.479.789.605	(20.919.564.684)	128.560.224.921			148.129.789.605	(20.919.564.684)	127.210.224.921	

(*) Công ty TNHH MTV Digiworld Venture là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313309149 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 6 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Venture là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử. Venture có trụ sở đăng ký tại Số 195 - 197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

13.1 Phải trả cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty TNHH Apple Việt Nam	575.206.867.585	976.872.286.073
Bên liên quan (Thuyết minh số 26)	431.051.642.529	-
Asus Global Pte. Ltd.	263.833.922.001	373.459.932.212
Xiaomi H.K Limited	261.960.865.825	816.989.203.143
Acer Incorporated	4.468.013.157	263.648.178.234
Dell Global B.V (Singapore Branch)	1.760.971.371	253.530.990.510
Khác	176.999.649.069	150.028.131.553
TỔNG CỘNG	<u>1.715.281.931.537</u>	<u>2.834.528.721.725</u>

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Xiaomi H.K Limited	66.275.039.430	34.104.038.527
Công Ty Cổ Phần Giải pháp Công nghệ Minerva	9.126.513.000	-
Hong Kong Shanghai Maitrox Services Limited	35.835.267	8.946.464.940
Công ty TNHH Công nghệ HP Việt Nam	-	10.143.580.943
Khác	22.020.795.735	18.755.641.664
TỔNG CỘNG	<u>97.458.183.432</u>	<u>71.949.726.074</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Thuế thu nhập doanh nghiệp	70.583.739.373	84.222.174.321	(126.255.816.815)	28.550.096.879
Thuế thu nhập cá nhân	134.227.081	4.179.309.416	(4.119.117.784)	194.418.713
Thuế khác	-	459.709.751	(459.709.751)	-
TỔNG CỘNG	<u>70.717.966.454</u>	<u>88.861.193.488</u>	<u>(130.834.644.350)</u>	<u>28.744.515.592</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Chiết khấu thương mại và hỗ trợ bán hàng	469.711.396.402	594.520.842.804
Chi phí hoạt động	5.788.876.451	4.500.395.454
Lãi vay phải trả	2.718.145.890	2.401.133.561
TỔNG CỘNG	<u>478.218.418.743</u>	<u>601.422.371.819</u>

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	<u>457.803.382.627</u>	<u>15.654.404.588</u>
UPAS L/C (*)	349.374.706.596	-
Cổ tức phải trả	90.597.556.000	-
Chi trả hộ	14.681.145.980	12.896.347.265
Bảo hiểm	2.316.760.409	1.802.643.681
Khác	833.213.642	955.413.642
Dài hạn	<u>5.658.629.427</u>	<u>6.058.629.427</u>
Nhận ký quỹ, ký cược	5.658.629.427	6.058.629.427
TỔNG CỘNG	<u>463.462.012.054</u>	<u>21.713.034.015</u>

(*) Đây là các khoản phải trả liên quan đến việc mua hàng tồn kho và trong đó một phần được thực hiện dưới hình thức thư tín dụng trả chậm thanh toán ngay (UPAS L/C) phát hành bởi ngân hàng thương mại cổ phần.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND	Lãi suất %/ năm
Vay ngân hàng	1.117.227.937.872	4.904.979.135.095	(4.790.971.699.489)	1.231.235.373.478		
Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp này nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:						
Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm		
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	409.711.386.363		Từ ngày 3 tháng 8 năm 2022 đến 22 tháng 9 năm 2022	Từ 4,2 đến 4,7		
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	351.723.987.115		Từ ngày 14 tháng 9 năm 2022 đến ngày 28 tháng 9 năm 2022	4,2		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1	164.500.000.000		Từ ngày 12 tháng 9 năm 2022 đến ngày 18 tháng 9 năm 2022	Từ 5,3 đến 5,5		
Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	136.800.000.000		Ngày 18 tháng 8 năm 2022	4,3		
Ngân hàng United Overseas Bank	88.500.000.000		Ngày 28 tháng 7 năm 2022	4,4		
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn	80.000.000.000		Ngày 10 tháng 7 năm 2022	4,5		
TỔNG CỘNG	1.231.235.373.478					

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	431.517.470.000	61.233.761.416	(6.272.937.166)	400.000.000	686.410.654.364	1.173.288.948.614
Phát hành cổ phiếu (ESOP)	12.000.000.000	-	-	-	-	12.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	231.627.169.543	231.627.169.543
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	443.517.470.000	61.233.761.416	(6.272.937.166)	400.000.000	918.037.823.907	1.416.916.118.157
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	885.520.250.000	61.233.761.416	(6.272.937.166)	400.000.000	838.850.062.342	1.779.731.136.592
Phát hành cổ phiếu (ESOP) (i)	22.000.000.000	-	-	-	-	22.000.000.000
Mua lại cổ phiếu trong kỳ	-	-	(30.000.000)	-	-	(30.000.000)
Cổ tức công bố (ii)	-	-	-	-	(90.597.556.000)	(90.597.556.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	356.700.541.864	356.700.541.864
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	907.520.250.000	61.233.761.416	(6.302.937.166)	400.000.000	1.104.953.048.206	2.067.804.122.456

(i) Vào ngày 4 tháng 4 năm 2022, Công ty đã phát hành 2.200.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu với tổng giá trị là 22.000.000.000 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 6 tháng 4 năm 2021 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 05/2022/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 2 năm 2022. Vào ngày 18 tháng 5 năm 2022, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 28 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp về việc tăng vốn cổ phần của Công ty lên 907.520.250.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(ii) Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 6 tháng 4 năm 2022 ("Nghị quyết 02"), Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị Quyết số 20/2022/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 6 năm 2022 công bố chi trả cổ tức bằng tiền (mỗi cổ đông đang nắm giữ 1 cổ phiếu nhận 1.000 VND) với tổng số tiền là VND 90.597.556.000.

Căn cứ vào Nghị quyết 02, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị Quyết số 18/2022/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 6 năm 2022 công bố phát hành cổ phiếu thường theo tỷ lệ 0,8:1 để tăng vốn cổ phần (mỗi cổ đông đang nắm giữ 1 cổ phiếu sẽ nhận được 0,8 cổ phiếu phát hành thêm) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vào ngày 13 tháng 7 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 72.477.918 cổ phiếu thường. Theo đó, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 29 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 7 năm 2022, về việc tăng vốn cổ phần của Công ty lên 1.632.299.430.000 VND.

18.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Vào ngày 31 tháng 12	885.520.250.000	431.517.470.000
Phát hành cổ phiếu (ESOP)	<u>22.000.000.000</u>	<u>12.000.000.000</u>
Vào ngày 30 tháng 6	<u>907.520.250.000</u>	<u>443.517.470.000</u>

18.3 Cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Cổ tức đã công bố	90.597.556.000	-

18.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Cổ phiếu đã được duyệt	90.752.025	88.552.025
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	90.752.025	88.552.025
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	90.752.025	88.552.025
Cổ phiếu quỹ	(154.469)	(151.469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(154.469)	(151.469)
Cổ phiếu đang lưu hành	90.597.556	88.400.556
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	90.597.556	88.400.556

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Tổng doanh thu:	11.864.739.495.590	9.479.904.382.620
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	11.685.842.347.336	9.372.189.269.762
Doanh thu cung cấp dịch vụ	178.897.148.254	107.715.112.858
Các khoản trừ doanh thu:	(64.690.218.857)	(294.577.121.834)
DOANH THU THUẦN	11.800.049.276.733	9.185.327.260.786
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	11.621.152.128.479	9.077.612.147.928
Doanh thu cung cấp dịch vụ	178.897.148.254	107.715.112.858

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Chiết khấu thanh toán	43.999.065.145	29.239.170.263
Lãi chênh lệch tỷ giá	39.427.055.063	21.625.736.892
Lãi trái phiếu	17.592.816.467	12.154.423.010
Lãi tiền gửi ngân hàng	637.934.897	381.183.603
Khác	253.756.669	158.734.628
TỔNG CỘNG	101.910.628.241	63.559.248.396

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.870.693.822.630	8.489.658.195.014
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	165.100.201.821	82.262.560.729
TỔNG CỘNG	11.035.794.024.451	8.571.920.755.743

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
		VND
Chi phí bán hàng	325.462.490.773	331.929.413.031
Chi phí hỗ trợ bán hàng	256.880.176.103	268.385.024.623
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.629.038.007	7.730.202.320
Chi phí nhân viên	20.748.110.724	25.460.327.333
Chi phí vận chuyển	19.350.277.532	20.516.727.446
Khác	4.854.888.407	9.837.131.309
Chi phí quản lý doanh nghiệp	51.508.117.071	42.532.078.785
Chi phí nhân viên	23.877.017.737	23.968.018.529
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.510.252.788	5.880.713.145
Khác	20.120.846.546	12.683.347.111
TỔNG CỘNG	<u>376.970.607.844</u>	<u>374.461.491.816</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
		VND
Chi phí lãi vay	35.008.246.009	11.446.888.553
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.978.587.850	147.614.243
Khác	721.577.213	381.422.066
TỔNG CỘNG	<u>39.708.411.072</u>	<u>11.975.924.862</u>

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
		VND
Thu nhập khác	370.966.847	322.928.400
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	363.458.300	311.053.534
Khác	7.508.547	11.874.866
Chi phí khác	(3.081.012.822)	(952.906.570)
Chi phí không được trừ theo Thông tư 151/2014/TT-BTC	(1.554.655.682)	(949.203.771)
Phạt thuế	(259.541.208)	(2.110.000)
Khác	(1.266.815.932)	(1.592.799)
LỖ THUẦN KHÁC	<u>(2.710.045.975)</u>	<u>(629.978.170)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Giá mua hàng hóa	11.035.794.024.451	8.571.920.755.743
Chi phí hỗ trợ bán hàng	256.880.176.103	268.385.024.623
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.489.568.327	34.127.642.911
Chi phí nhân viên	44.625.128.461	49.428.345.862
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Thuyết minh số 10 và 11)	3.522.944.141	2.719.168.384
Khác	21.452.790.812	19.801.310.036
TỔNG CỘNG	<u>11.412.764.632.295</u>	<u>8.946.382.247.559</u>

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	84.222.174.321	58.271.189.048
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	5.854.099.447	-
TỔNG CỘNG	<u>90.076.273.768</u>	<u>58.271.189.048</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>446.776.815.632</u>	<u>289.898.358.591</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	89.355.363.126	57.979.671.718
<i>Điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được trừ	720.910.642	291.517.330
Chi phí thuế TNDN	<u>90.076.273.768</u>	<u>58.271.189.048</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

25.3 Thuế TNDN hoãn lại

Sau đây là các tài sản thuế thu nhập hoãn lại được Công ty ghi nhận và biến động trong đó, trong năm hiện tại và các năm trước:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí phải trả ngắn hạn	50.077.235.691	88.395.717.427	(38.318.481.736)	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	36.809.239.382	4.344.857.093	32.464.382.289	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	1.270.255.857	1.270.255.857	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>88.156.730.930</u>	<u>94.010.830.377</u>		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			<u>(5.854.099.447)</u>	-

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH MTV Digiworld Venture	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH MTV 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH CSV Healthcare	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thương Mại và Sản xuất Bellvina	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV DPharma	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH B2X Care Solutions Việt Nam	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần Việt Money	Công ty liên kết của công ty con
Công ty TNHH MTV Created Future	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>VND</i>
Công ty TNHH MTV Digiworld Venture	Công ty con trực tiếp	Góp vốn	1.350.000.000	41.444.039.605	
Công ty TNHH MTV 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hóa Cho vay Bán hàng hóa Lãi cho vay	506.309.678.241 125.000.000.000 534.638.084.007 176.367.122	29.392.037.486 - 54.105.623.187 -	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa Cung cấp dịch vụ	12.450.502.098 5.951.074	5.893.461.388 610.096.603	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết của công ty con	Cho vay Thu hồi cho vay	6.048.000.000 8.400.000.000	8.400.000.000 -	
Công ty Cổ phần Việt Money	Công ty liên kết của công ty con	Cho vay Thu hồi cho vay	35.000.000.000 10.000.000.000	- -	

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				VND
Công ty TNHH MTV 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.263.300.201	154.155.049.202
Công ty Cổ phần Dịch vụ phát triển thị trường C.L	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	997.983.779	5.112.000.000
			2.261.283.980	159.267.049.202
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Cho vay	84.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Việt Money	Công ty liên kết của Công ty con	Cho vay	25.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết của Công ty con	Cho vay	6.048.000.000	6.400.000.000
			115.048.000.000	6.400.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hóa	431.051.642.529	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị như sau:

Tên	Chức vụ	Thù lao	
		VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch	98.454.000	105.138.033
Bà Đặng Kiên Phương	Tổng Giám đốc	93.860.000	100.959.033
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc	93.860.000	100.959.033
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập	30.000.000	60.000.000
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập	30.000.000	60.000.000
Ông Hoàng Thông	Thành viên trước đây của Ban Kiểm toán Nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị	-	15.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Thành viên trước đây của Ban Kiểm toán Nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị	-	15.000.000
TỔNG CỘNG		346.174.000	457.056.099

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Dưới 1 năm	29.183.069.935	21.710.719.957
Từ 1 đến 5 năm	83.425.583.535	59.480.505.617
Trên 5 năm	7.834.228.597	11.704.148.748
TỔNG CỘNG	120.442.882.067	92.895.374.322

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 13 tháng 7 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 72.477.918 cổ phiếu thưởng để tăng vốn cổ phần từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 29 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 7 năm 2022, về việc tăng vốn cổ phần của Công ty lên 1.632.299.430.000 VND.

Vào ngày 16 tháng 8 năm 2022, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị Quyết số 32/2022/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 8 năm 2022 về việc tăng vốn đối với Công ty TNHH MTV Digiworld Venture – công ty con với vốn điều lệ đăng ký là 407.250.000.000 VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã hoàn tất các thủ tục cần thiết của việc tăng vốn trên.

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Trần Quế Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

